

Số: 1398 /QĐ-BNN-TCCB

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2017



QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Cục Chăn nuôi**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Cục Chăn nuôi là tổ chức trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật đối với chuyên ngành chăn nuôi thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

2. Cục Chăn nuôi có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, có kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Trụ sở của Cục đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Bộ trưởng:

a) Các dự thảo: luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị định của Chính phủ; văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, lĩnh vực theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hàng năm của Bộ và các nghị quyết, cơ chế, chính sách, dự án, đề án theo phân công của Bộ trưởng;

b) Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, hàng năm và các dự án, công trình quan trọng quốc gia, các chương trình, đề án, dự án, công trình thuộc chuyên ngành, lĩnh vực quản lý của Cục theo phân công của Bộ trưởng.

2. Trình Bộ ban hành quyết định, chỉ thị, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật; tổ chức xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục theo phân công của Bộ trưởng và quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, đánh giá, tổng hợp báo cáo thực hiện các cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về chuyên ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục; chỉ đạo và tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục.

4. Ban hành các văn bản cá biệt và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chuyên ngành, lĩnh vực được giao quản lý. Thông báo kế hoạch chi tiết thực hiện chương trình, đề án, dự án do Bộ quản lý cho địa phương, đơn vị sau khi được Bộ phê duyệt kế hoạch tổng thể về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục.

5. Về chỉ đạo sản xuất chăn nuôi:

a) Trình Bộ cơ chế chính sách, chương trình, đề án, dự án về chăn nuôi hữu cơ; hướng dẫn, kiểm tra thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chỉ đạo địa phương xây dựng chăn nuôi gắn với hệ thống giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm. Chỉ đạo xây dựng, kiểm tra thực hiện phát triển vùng chăn nuôi trang trại, công nghiệp, sản xuất chăn nuôi an toàn;

c) Chỉ đạo việc thực hiện cơ cấu sản xuất, quy trình chăn nuôi; các tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành chăn nuôi; đề xuất các biện pháp phòng, chống, khôi phục sản xuất sau thiên tai, dịch bệnh trong chăn nuôi;

d) Chủ trì thẩm định và quản lý thực hiện các dự án điều tra cơ bản về chăn nuôi theo quy định;

đ) Chỉ đạo thực hiện và tổng kết, đánh giá sản xuất chăn nuôi hàng năm; thống kê báo cáo tiến độ sản xuất theo quy định;

e) Thực hiện quản lý động vật hoang dã và bán hoang dã được phép gây nuôi theo phân công của Bộ trưởng và quy định pháp luật.

6. Về giống vật nuôi (không bao gồm giống thủy sản):

a) Chủ trì xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển giống vật nuôi phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển ngành chăn nuôi và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi cả nước và từng vùng sinh thái nông nghiệp;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, quản lý về chất lượng giống vật nuôi trên phạm vi cả nước theo quy định;

c) Trình Bộ quy định việc sử dụng, trao đổi nguồn gen vật nuôi; trao đổi nguồn gen vật nuôi quý hiếm theo quy định;

d) Trình Bộ ban hành Danh mục về quản lý giống vật nuôi theo quy định pháp luật;

đ) Quản lý nhà nước về khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định giống vật nuôi, tinh, phôi, trứng giống vật nuôi, môi trường pha chế, bảo quản tinh giống vật nuôi; đề xuất công nhận giống vật nuôi mới theo quy định pháp luật;

e) Chỉ đạo triển khai chương trình đầu tư phát triển giống vật nuôi, chương trình hỗ trợ sản xuất và cung ứng sản phẩm giống gốc vật nuôi.

7. Về thức ăn chăn nuôi (không bao gồm thức ăn thủy sản):

a) Trình Bộ ban hành Danh mục về quản lý thức ăn chăn nuôi theo quy định pháp luật;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, quản lý về chất lượng thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại vật nuôi trên cạn theo quy định pháp luật;

c) Quản lý nhà nước về khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi; kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi; công nhận thức ăn chăn nuôi mới theo quy định của pháp luật;

d) Quản lý sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi theo quy định pháp luật.

8. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi:

a) Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trong chăn nuôi;

b) Phối hợp với các cơ quan quản lý môi trường liên quan đánh giá chất lượng môi trường, đề xuất những giải pháp bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trong sản xuất chăn nuôi;

c) Quản lý về chế phẩm xử lý, cải tạo môi trường chăn nuôi theo phân công của Bộ trưởng và quy định pháp luật;

d) Trình Bộ ban hành Danh mục về quản lý môi trường chăn nuôi theo quy định pháp luật;

đ) Quản lý nhà nước về khảo nghiệm chế phẩm xử lý, cải tạo môi trường chăn nuôi; công nhận chế phẩm xử lý, cải tạo môi trường chăn nuôi mới theo quy định.

9. Về quản lý an toàn thực phẩm chăn nuôi: Phối hợp với Cục Thú y, cơ quan liên quan thuộc Bộ quản lý an toàn thực phẩm đối với sản phẩm chăn nuôi theo quy định pháp luật. Trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất chăn nuôi;

b) Quản lý vật tư đầu vào dùng trong chăn nuôi đảm bảo an toàn thực phẩm theo phân công của Bộ trưởng và quy định pháp luật;

c) Hướng dẫn, kiểm tra quy trình sản xuất chăn nuôi đảm bảo an toàn thực phẩm; đề xuất xây dựng, phát triển và quản lý các vùng chăn nuôi an toàn, khu chăn nuôi tập trung; giám sát, kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý vùng, cơ sở sản xuất chăn nuôi an toàn.

10. Về chế biến, bảo quản: Phối hợp xây dựng, thẩm định quy hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách; đề án, dự án, chương trình phát triển chế biến, bảo quản sản phẩm chăn nuôi gắn với phát triển thị trường và vùng nguyên liệu; đánh giá tình hình phát triển chế biến và bảo quản đối với sản phẩm chăn nuôi.

11. Về thương mại và phát triển thị trường nông sản: Thực hiện nhiệm vụ thương mại và phát triển thị trường nông sản theo phân công của Bộ trưởng và quy định pháp luật.

12. Cấp, thu hồi các loại giấy chứng nhận, chứng chỉ, giấy phép thuộc lĩnh vực chăn nuôi theo quy định pháp luật. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện theo quy định. Thẩm định và công nhận các tiến bộ kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của Cục theo quy định pháp luật.

13. Thẩm định, đánh giá, chỉ định, công nhận và quản lý hoạt động của phòng, đơn vị, cơ sở thử nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, đánh giá sự phù hợp về giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, môi trường chăn nuôi, chế phẩm xử lý, cải tạo môi trường chăn nuôi; chứng nhận VietGAP và các tiêu chuẩn trong nước và nước ngoài tiên tiến khác thuộc phạm vi quản lý của Cục theo quy định pháp luật.

14. Về khoa học, công nghệ, môi trường và khuyến nông: Thực hiện nhiệm vụ về khoa học công nghệ, môi trường, khuyến nông theo phân công của Bộ trưởng và quy định pháp luật.

15. Đề xuất trình Bộ các chương trình, dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của Cục; thực hiện nhiệm vụ quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án đầu tư do Bộ trưởng giao; tham gia thẩm định các chương trình, dự án đầu tư chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Cục.

16. Thực hiện nhiệm vụ kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn theo phân công của Bộ trưởng.

17. Tổ chức chỉ đạo công tác điều tra, thống kê và quản lý cơ sở dữ liệu về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục.

18. Thực hiện hợp tác quốc tế, hội nhập kinh tế quốc tế và các chương trình, dự án quốc tế theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng và quy định pháp luật.

19. Thực hiện cải cách hành chính theo chương trình, kế hoạch, đề án cải cách hành chính của Bộ và quy định pháp luật.

20. Về quản lý tổ chức, hoạt động dịch vụ công:

a) Trình Bộ cơ chế, chính sách về cung ứng dịch vụ công; thực hiện xã hội hoá các hoạt động cung ứng dịch vụ công; định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và các quy định về dịch vụ sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý của Cục;

b) Hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức thực hiện dịch vụ công trong ngành, lĩnh vực theo quy định pháp luật.

21. Hướng dẫn, kiểm tra đối với hoạt động của các hội, tổ chức phi chính phủ thuộc phạm vi quản lý của Cục; tham gia ý kiến về công nhận Ban vận động thành lập Hội và Điều lệ Hội theo quy định.

22. Quản lý tổ chức bộ máy, công chức, viên chức và người lao động theo quy định. Thực hiện chế độ, chính sách, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức, viên chức thuộc quyền quản lý của Cục theo quy định.

23. Thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành theo quy định pháp luật; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thuộc phạm vi quản lý của Cục theo quy định pháp luật.

24. Quản lý tài chính, tài sản công và nguồn lực khác được giao; tổ chức quản lý việc thu, sử dụng phí, lệ phí thuộc phạm vi quản lý của Cục theo quy định pháp luật.

25. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật và phân công, phân cấp của Bộ trưởng.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Cục: có Cục trưởng và các Phó Cục trưởng do Bộ trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

a) Cục trưởng có trách nhiệm: Trình Bộ trưởng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Cục; ban hành Quy chế làm việc của Cục; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức tham mưu trực thuộc Cục; bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo của các tổ chức trực thuộc Cục theo phân cấp của Bộ trưởng và quy định pháp luật.

b) Cục trưởng điều hành hoạt động của Cục, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về hoạt động của Cục. Phó Cục trưởng giúp Cục trưởng theo dõi, chỉ đạo một số mặt công tác theo sự phân công của Cục trưởng; chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

2. Các tổ chức tham mưu:

a) Văn phòng Cục;

b) Phòng Kế hoạch, Tài chính;

c) Phòng Thanh tra, Pháp chế;

d) Phòng Gia súc lớn;

đ) Phòng Gia cầm và Gia súc nhỏ;

e) Phòng Thức ăn chăn nuôi;

g) Phòng Môi trường chăn nuôi;

h) Văn phòng đại diện Cục phía Nam, tại thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Trung tâm Khảo, kiểm nghiệm và kiểm định Chăn nuôi có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng để hoạt động theo quy định pháp luật. Trụ sở Trung tâm đặt tại thành phố Hà Nội.

b) Các đơn vị sự nghiệp khác được thành lập trên cơ sở Đề án do Cục xây dựng trình Bộ trưởng phê duyệt theo quy định.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, thay thế Quyết định số 665/QĐ-BNN-TCCB ngày 04/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Chăn nuôi.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng Cục trưởng, Chánh Thanh tra Bộ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Nội vụ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Vụ, Tổng cục, Cục, VP Bộ, TTr Bộ;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, TCCB (120b).TMD

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: 118 /SY-UBND

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND các huyện, thị xã;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN (Hò).

SAO Y BẢN CHÍNH

Đắk Nông, ngày 25 tháng 4 năm 2017

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Ngô Xuân Lộc